

MỘT SỐ MÔ HÌNH CẤU TRÚC ĐỒNG DẠNG CỦA CÂU ĐỐ VỀ THỰC VẬT TRONG TIẾNG VIỆT

THS VŨ THỊ HƯƠNG GIANG*

Abstract: Using the same grammatical structure in forming riddles is one of the most popular and interesting techniques in traditional Vietnamese riddles in general and particularly in planted-related ones. This article deals with some symmetric structures of planted-related riddles in Vietnamese.

- The structure of existential sentence: “*Sừng sừng mà đứng (giữa) X + Y*”, “*Giữa (lưng chừng) trời có X*”.

- The structure of stative sentence: “*Chân chẳng đến đất, cật chẳng đến trời/ Lơ lơng giữa X + Y*”.

- The structure of characterising sentence: “*Cây X, (mà/cái/thì) lá (cũng) X + Y*”; “*Cây X, lá Y + Z*”; “*Ngoài (trong) X trong (ngoài) Y*”; “*Bằng X + Y*”; “*Vừa bằng X + Y*” hoặc “*Bằng trang X + Y*”; “*X bằng/ tựa/ như + Y + Z*”; “*Không X mà (có) Y*”; “*Có X (mà) không (chẳng có) Y*”; “*(X) không phải X, mà lại Y*”; “*X lại bảo/ nhưng Y*”; “*Thân em + X*”.

To sum up, there are some certain similarities in using symmetric structures in riddles. Basing on a typical structure, puzzles can easily be filled - by substituting the same described characteristics - to produce many new riddles which refers to other objects; familiarising these objects at the same time.

Keywords: *Symmetric structure, Vietnamese riddles*

1. Mở đầu

Câu đố là một hiện tượng ngôn ngữ đặc sắc trong di sản văn hóa dân tộc. Trong đó lưu giữ những giá trị bền vững của tư duy, tâm hồn và sức sáng tạo của con người dân Việt Nam. Câu đố không chỉ thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu dân gian, các nhà văn hóa học, dân tộc học... mà nó còn có sức hấp dẫn lớn với các nhà ngôn ngữ học. Tuy nhiên, cho đến nay các công trình nghiên cứu về câu đố dưới góc độ ngôn ngữ học còn khá khiêm tốn. Bài viết này tìm hiểu về một số mô hình cấu trúc đồng dạng của câu đố về thực vật trong tiếng Việt.

Việc sử dụng cùng một mô hình cấu trúc ngữ pháp để đố về nhiều sự vật khác nhau là một trong những thủ

pháp khá quen thuộc và thú vị trong các câu đố dân gian Việt Nam nói chung, câu đố về thực vật nói riêng. Xét trong quan hệ với vật đố, những lời đố có cùng mô hình, khuôn mẫu (cấu tạo giống nhau) thì vật đố sẽ có chung một đặc điểm nào đó (về hình dáng, màu sắc, cấu tạo, kích cỡ...). Do đó, cùng một dạng cấu trúc nào đó có thể cho ta nhiều câu đố với những đáp án tương ứng (căn cứ vào yêu tố miêu tả trong mô hình đó). Chính điều này làm cho bài toán đố quen mà hóa lạ, tạo nên sức lôi cuốn, hấp dẫn riêng cho trò chơi trí tuệ đặc biệt thú vị này.

.....
* Giáo viên Trường THPT Lạng Giang, Bắc Giang.

2. Một số mô hình cấu trúc đồng dạng của câu đố về thực vật trong tiếng Việt

Trong 636 câu đố về thực vật (chiếm gần 1/5 tổng số câu đố Việt)

được chúng tôi khảo sát, dễ nhận thấy nhiều câu có cấu tạo giống nhau theo một dạng, một mô hình nhất định. Trong đó thường gặp nhất là các mô hình sau:

TT	Mô hình câu đố	Số lượng câu đố	Tỉ lệ (%)
1	<i>Sừng sừng (sâm sâm) mà đứng (giữa) X + Y.</i>	8	3,5
2	<i>Giữa (lưng chừng) trời có X.</i>	3	1,3
3	<i>Chân chẳng đến đất, cật chẳng đến trời. Lơ lơng giữa X + Y.</i>	7	3,1
4	<i>Cây X, (cái) lá (cũng) X + Y.</i>	8	3,5
5	<i>Cây X, lá Y + Z</i>	17	7,5
6	<i>Ngoài (trong) X trong (ngoài) Y.</i>	14	6,2
7	<i>Bằng X + Y.</i>	6	2,7
8	<i>Vừa bằng X + Y.</i>	7	3,1
9	<i>Bằng trang X + Y.</i>	7	3,1
10	<i>X bằng/ tựa/ như + Y + Z.</i>	27	11,9
11	<i>Không X mà (có) Y.</i>	8	3,5
12	<i>Có X (mà) không (chẳng có) Y.</i>	11	4,8
13	<i>X không phải X, mà lại Y.</i>	3	1,3
14	<i>X lại bèo/ nhưng Y</i>	4	1,8
15	<i>Da cóc mà bọc bột lọc, bột lọc mà bọc hòn X</i>	3	1,3
16	<i>Trên thượng đỉnh có (cho) X không Y, dưới thượng đỉnh có Y không X.</i>	2	0,9
17	<i>X + (trạng ngữ) + có Y không Z.</i>	6	2,7
18	<i>Thân em + X</i>	14	6,2
19	<i>[hai vật/ người] cùng có một tên, [vật/ người thì X, vật/ người thì Y]</i>	3	1,3
20	<i>Xưa kia tôi ở X + Y</i>	2	0,8
21	<i>Quê em ở (tên) X + Y</i>	5	2,2
22	<i>Nghĩ mình + X</i>	3	1,3
23	<i>Cây gì/ chi + X?</i>	18	7,9
24	<i>Hoa gì/ chi + X?</i>	27	11,9
25	<i>Quả (trái) gì/ chi/ nào + X</i>	14	6,2

Bảng thống kê một số mô hình cấu trúc đồng dạng của câu đố về thực vật trong tiếng Việt (tổng số 227 câu)

Có thể xếp các mô hình trên vào hai dạng chính: Mô hình dạng trần thuật (1 - 22) và mô hình dạng nghi vấn (23 - 25). Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi chỉ trình bày mô hình dạng trần thuật, với một số mô hình cơ bản sau:

2.1. Mô hình câu tồn tại

2.1.1. Mô hình: *Sừng sừng mà đứng (giữa) X + Y*

Mô hình này thường gồm một cặp lục bát, trong đó:

- Câu lục có cấu tạo 3 phần:

1) *Sừng sừng mà đứng*: chỉ tư thế tồn tại, nêu tính chất đứng yên một chỗ, không thể hiện trên diện rộng của vật đó, vật đó này thường có một thể tích nhất định.

2) *Giữa*: giới từ, xác định vị trí của vật đó.

3) *X*: là danh từ chỉ nơi chốn, phạm vi hoạt động của vật đó (*trời, đồng...*)

- Câu bát (Y): phân miêu tả đặc tính cơ bản của vật đó.

Mô hình này nêu đặc điểm chung cho một nhóm sự vật - những vật tồn tại trước mặt hoặc phải đụng tới trên đường đi (cây dừa, cây ngô, cây có may, cây chuối)

*Sừng sừng mà đứng giữa trời
Mặc ba áo kép, mặc mười áo đơn.*
(Cây chuối)

*Sừng sừng mà đứng giữa đồng,
Chân tay không có, lại bồng
dừa con.*

(Cây ngô)

Ở mô hình này, do yêu cầu vần điệu và mục đích nhấn mạnh tư thế tồn tại mà bổ ngữ (*sừng sừng*) được đảo lên trước động từ (*đứng*) đứng đầu câu. Nếu chỉ dựa vào *X* mà không căn cứ vào *Y* thì chưa thể tìm ra vật đó. Thí dụ: cùng *sừng sừng mà đứng giữa trời*, nhưng cây chuối và cây ngô lại được phân biệt với nhau bởi đặc tính riêng: Cây chuối có cấu tạo bởi nhiều lớp bẹ bao bọc lấy nhau (*mặc ba áo kép, mặc mười áo đơn*); trong khi đó không có cánh lại là đặc điểm của cây ngô (*chân tay không có lại bồng dừa con*).

Ngoài ra, chúng ta cũng có thể tìm thấy mô hình này ở những câu đó

về cây rom, quả núi, cái áo toi, cái chợ, cái nhà, cột nhà, cái khóa, tù gương... trong kho tàng câu đố Việt.

Trong mô hình trên, từ *sừng sừng* có thể được thay bằng *sâm sâm* tạo ra mô hình biến thể tương ứng: *Sâm sâm (mà) đứng (ở) giữa trời + X* (Trong đó, *X* nêu đặc tính của vật đó).

*Sâm sâm đứng ở giữa trời
Vai mang bị muối đứng chờ
người xưa.*

(Quả mít)

2.1.2. Mô hình: *Giữa (lưng chừng) trời có X.*

Trong đó: *X* là cụm danh từ, nêu sự vật tồn tại ở vị trí *giữa lưng chừng trời*.

Giữa lưng chừng trời có ao nước lã.
(Quả dừa)

*Giữa lưng chừng trời có vũng
nước trong*

Cá lòng tong không mong lợi tới.
(Quả dừa)

*Giữa trời có giếng nước tiên
Không cho chim uống, chim phiền
bay đi.*

(Quả dừa)

Mô hình này thường cho biết vị trí tồn tại và một số đặc tính của vật đó.

2.2. Mô hình câu chỉ trạng thái

* Mô hình: *Chân chẳng đến đất, cật chẳng đến trời. Lơ lửng giữa X + Y.*

Trong đó: *X* là danh từ hoặc danh ngữ, nêu vị trí vật đó tồn tại, *Y*: nêu một đặc điểm nổi bật khác của vật đó.

- Cấu tạo: Loại câu đố này thường có cấu tạo hai câu hoặc bốn dòng với 16 âm tiết.

Vật đồ trong câu đồ theo mô hình này thường là những sự vật có tính chất ở khoảng giữa lưng chừng, lơ lửng giữa trời nhưng vẫn có điểm bám (chẳng hạn: cây hoa bèo, quả bưởi, lựu, gấc, ôi,...).

Chân chẳng đến đất, cật chẳng đến trời,

Lơ lửng giữa trời, đeo bị tiền chinh

(Quả gấc)

Chân chẳng đến đất, cật chẳng đến trời

Lơ lửng giữa trời mà đeo bị sỏi.

(Quả lựu)

Ở đây, có tính quyết định làm cơ sở giải đồ cho những cấu trúc đồng dạng trên lại là yếu tố miêu tả đặc tính của chúng (Y). Bởi mô hình giống nhau này không phải là đặc điểm để người đồ tìm ra vật đồ. Nó chỉ có khả năng nhấn mạnh cho các miêu tả yếu tố đứng ở phía đằng sau đặc điểm cơ bản của sự vật cần tìm và giúp cho người giải dễ dàng đến với đáp án.

Cùng chung mô hình *chân không đến đất, cật chẳng đến trời*... nhưng cơ sở để người giải tìm ra vật đồ là quả gấc hay quả lựu lại là miêu tả tố (Y): *đeo bị tiền chinh, đeo bị sỏi. Tiền chinh* là ẩn dụ của *hạt gấc*. Mỗi quan hệ giữa chúng là dựa vào sự tương đồng về hình dáng (tròn) của hai đối tượng. Trong khi đó, quả lựu lại chứa rất nhiều hạt nhỏ bên trong.

Trong mô hình trên, ở vị trí Y thay *đạn bằng đá, sỏi, tép, máu, nước*... ta sẽ được các vật đồ tương ứng quả thị, quả lựu, quả bưởi, quả gấc, quả dứa. Ngoài ra, còn có dạng đặc biệt: X được thay bằng *tầng không, vờ*.

Chân không tới đất, cật chẳng tới trời

Lơ lửng tầng không bụng đeo bị tép.

(Quả bưởi)

Chân chẳng đến đất,

Cật chẳng đến trời

Lơ lửng giữa vờ

Mà đeo bị đạn.

(Quả ôi)

2.3. Mô hình câu chỉ tính chất

Do lời đồ chủ yếu miêu tả đặc điểm, tính chất của vật đồ nên có thể thấy mô hình này có số lượng nhiều nhất, với hình thức phong phú, đa dạng, trong đó, phải kể đến các mô hình sau:

2.3.1. Mô hình: *Cây X, (mà/ cái/ thì) lá (cũng) X + Y.*

Trong đó, X thường là tính từ (chỉ màu sắc, hình dáng,...) của cây; Y: nêu đặc tính khác của vật đồ.

- Đặc điểm câu tạo:

+ Mô hình này thường được cấu tạo bởi một cặp lục bát, dòng lục miêu tả chung, dòng bát nêu đặc tính của loài cây muốn đồ.

Cây xanh, cái lá cũng xanh

Cái củ trắng nõn, nấu canh ngọt lừ.

(Cây cải củ)

Cây xanh, cái lá cũng xanh

Ăn sống thì được, nấu canh thì đừng.

(Cây thuốc lá)

Cùng chung mô hình *Cây xanh, cái lá cũng xanh*, nhưng cây cải củ

và cây thuốc lá lại được phân biệt với nhau ở đặc tính Y: Củ cây cái trắng nõn và củ đỏ nấu canh ngọt lừ, còn lá cây thuốc lá chỉ dùng để ăn sống, không được nấu canh (*Ăn sống thì được, nấu canh thì dùng*).

Ở mô hình này, để đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm (vì giới hạn của số từ, tiếng trong câu) và hoàn cảnh nói, người đồ thường sử dụng phép tỉnh lược. Không cần diễn đạt đầy đủ: *Cái củ trắng nõn, nấu canh (củ) ngọt lừ* hay *Ăn sống (lá) thì được, nấu canh (lá) thì dùng...* mà người giải vẫn không thể hiểu khác đi được.

Kết cấu hai vế của câu đó, với cấu tạo từ loại, ngữ pháp đồng dạng, tạo nên cấu trúc sóng đôi, bổ sung cho nhau, tạo nên chính thể nghĩa. Nhờ đó, câu đó có cấu tạo theo mô hình trên thường cô đọng, cân đối, hài hòa, nhịp nhàng, dễ thuộc, dễ nhớ. Điều này giúp câu đó phát huy tối đa chức năng truyền bá và phổ biến tri thức về thế giới sự vật nói chung, thế giới thực vật nói riêng.

- Ngoài ra, mô hình này cũng có thể được cấu tạo bởi bốn câu, có chung câu mở đầu, các câu còn lại đưa ra các dữ kiện khác, đa dạng về vật đồ.

Cây xanh xanh, lá cũng xanh xanh

*Nở bông hoa trắng cho xinh
lòng chàng*

Quả ăn nóng ruột, nóng gan,

Châu lệ hai hàng con mắt đỏ hoe.

(Cây ớt, quả ớt)

2.3.2. Mô hình: *Cây X, lá Y + Z.*

Trong đó: X, Y là tính từ, Z: đặc tính của cây.

- Cấu tạo: Loại câu đồ này thường có cấu tạo hai câu hoặc bốn câu.

+ Hai câu: chủ yếu là cặp câu lục bát, dòng lục là cái nhìn bao quát về hình dáng vật đồ, dòng bát nêu đặc tính của vật đồ. X, Y trong dòng lục là tính từ và đa số là từ láy.

Cây lum lum, lá loe toe

Mùa đông ấp lại, mùa hè nở ra

(Cây sen)

+ Bốn câu:

Cây xon xon, lá xanh xanh,

Rút ruột đem bán cho anh lấy tiền

Ruột làm nên tấm áo êm

Ai ai cũng phải cầm tiền đi mua.

(Cây bông)

2.3.3. Mô hình: *Ngoài (trong) X trong (ngoài) Y.*

Trong đó, X, Y là tính từ chỉ màu sắc.

- Cấu tạo: Mô hình câu đồ này thường gồm hai hoặc bốn dòng, để miêu tả màu sắc theo cấu tạo từ trong ra ngoài hoặc từ ngoài vào trong của loại quả hoặc cây nào đó.

+ Hai dòng: dòng trên nêu cái nhìn bao quát về màu sắc, cấu tạo theo trình tự không gian (trong - ngoài, ngoài - trong), dòng dưới nêu đặc tính của vật đồ.

Ngoài xanh trong trắng đầu vàng

Tên em nhà gái nhà chàng kết đôi

(Quả cam)

Trong trắng, ngoài xanh

Đóng danh từng khúc.

(Cây tre)

+ Từ hai dòng trở lên:
Ngoài xanh trong trắng
Da cóc xù xì
Chẳng họ hàng chi
Mà mang tên chuột.

(Quả dưa chuột)

2.3.4. Mô hình: *Bằng X + Y*.

+ Phần đầu (bằng X) miêu tả vật theo cách so sánh tương tự với hình ảnh X (danh ngữ, nêu vật so sánh).

+ Phần sau (Y): thường là cụm động từ nêu đặc tính khác của vật đó.

Với mô hình cấu tạo trên, vật đó vừa có hình vóc, vừa có đặc tính sóng kèm, nên không khó đoán nhận lắm.

Bằng con gà rần, nằm lẩn trong bụi.

(Quả dưa - trái thơm)

Bằng cái mũi khoan, đâm ngay lên trời.

(Cây hành)

* Tương tự với mô hình trên là các mô hình sau:

- Mô hình: *Vừa bằng X + Y* hoặc *Bằng trang X + Y*. (Trong đó, X: danh từ hoặc danh ngữ, nêu vật so sánh; Y: thường là cụm động từ, nêu đặc tính khác của vật đó).

Câu đó có cấu tạo theo mô hình trên có thể gồm một hoặc nhiều câu, mở đầu bằng từ trò quan hệ so sánh (*vừa bằng*):

Vừa bằng thằng bé lên ba

Nịt ngang lưng thắt, chạy ra ngoài đồng.

(Bó mạ)

Bằng trang quả cà

Có hoa dưới đất.

(Quả măng cụt)

Với mô hình này, X thường được thay thế bằng: *hột cám, cườm tay, mũi chĩa, trái quýt, trái cà, hột cau...*, những vật nhỏ bé, gắn gũi với con người. Sau khi đưa ra vật thay thế vật đó dựa trên điểm tương đồng về hình dáng, kích cỡ, người đó thường nêu lên một đặc điểm đặc trưng của vật đó để người giải dễ nhận diện hơn. Vì nếu chỉ đưa ra dữ kiện về kích cỡ như X thì khó mà tìm ra lời giải. Cần căn cứ vào cả kích cỡ bé nhỏ bằng *trái cà/ hột cau* kết hợp với đặc điểm cấu tạo, màu sắc *có hoa dưới đất/ đỏ au bốn phía* mà người chơi tìm ra được đáp án là quả măng cụt/ quả ớt chín...

Trong mô hình trên, các từ so sánh *bằng, bằng trang, vừa bằng ...* thường mở đầu câu đó, so sánh vật đó với X dựa trên sự tương đồng về hình dáng, kích cỡ. Vật đó (vật được so sánh) bị ẩn đi, chỉ xuất hiện từ so sánh và vật thay thế (vật so sánh).

- Bên cạnh đó, có so sánh dạng đầy đủ (gồm vật được so sánh + từ so sánh + vật so sánh) theo mô hình: *X bằng/ tựa/ như + Y + Z*. (Trong đó, X: danh từ, tính từ, động từ hoặc danh từ + tính từ, Y: danh từ (cụm danh từ), Z: nêu đặc tính khác của vật đó).

+ X là danh từ: Ở mô hình này, X có thể là danh từ chỉ loại vật đó (*cây*) hoặc chỉ bộ phận của vật đó (*đầu, đất, mình, quả, thân...*)

Cây bằng cán rựa, lá tựa đôn xóc.

(Cây mía)

Đầu bằng con ruồi, đất bằng cái đĩa.

(Lá tràu không)

+ X là tính từ (thường là từ láy):
nêu đặc tính về hình dáng, màu sắc,
kích cỡ... của vật đó.

Cong cong như cái lưỡi cày

Cả trăm con sáo đậu ngày đậu đêm.

(Buồng chuối)

+ X là động từ:

Sột sạt như lá chuối khô

Hai bên nước chảy như hồ long vân

Từ quan cho đến chí dân

*Ai ai cũng phải uống nước long
vân chi hồ.*

(Quả vú sữa)

+ X là danh từ + tính từ:

Mình tròn bằng quả chuối tiêu

Đeo dây đeo dợ, đeo niêu cả ngày.

(Củ khoai lang)

Qua số liệu khảo sát, thống kê, chúng tôi nhận thấy câu đố Việt dạng trần thuật chủ yếu dùng cấu trúc so sánh ngang bằng, với những từ so sánh (*bằng, bằng trang, vừa bằng, tựa...*) thường đứng đầu câu hoặc để nối vật được so sánh (vật đó hoặc bộ phận của vật đó) với vật so sánh (vật thay thế vật đó) dựa trên nét nghĩa tương đồng nào đó. Trong khi đó, so sánh hơn, hơn nhất không được sử dụng, so sánh kém được dùng một lần duy nhất khi đó về hạt gạo:

Nhỏ hơn hạt thóc

Trong ngọc trắng ngà

Khắp muôn vạn nhà

Nhà nào cũng có.

(Hạt gạo)

Để nhận thấy, so sánh ngang bằng là cấu trúc so sánh được những chủ thể sáng tạo câu đố ưa chuộng nhất. Có lẽ bởi với tư duy so sánh mang đậm cái nhìn nông nghiệp, họ thường nhìn mọi vật trong thế ngang bằng nhau. Dùng hình ảnh tương tự (về hình dáng, kích cỡ) để nói về vật đó vừa là gợi dẫn, vừa tạo nên cái khó khi yêu cầu người giải đố phải hình dung vật đó thông qua sự vật khác. Tuy không mang lại căn cứ đầy đủ cho người giải trong quá trình tìm vật đó nhưng cấu trúc này cũng cung cấp những tri thức cần thiết để người giải xác định được rõ một đặc điểm, thuộc tính nào đó của vật đó so với vật thay thế; nhờ vậy, người giải có thêm thông tin vững chắc khi giải mã vật đó.

2.3.5. Mô hình: *Không X mà (có) Y.*

Trong đó X, Y: vị từ thường gặp, X: động từ, Y: tính từ, X là điều kiện để có Y, Y là hệ quả của X, đồng thời cũng là hệ quả của các nguyên nhân khác, hoặc chúng là hai mặt của một thực thể.

- Đặc điểm cấu tạo: gồm một kết cấu 4 tiếng (thường là cụm từ). Vì Y không chỉ là hệ quả của X, mà còn là hệ quả của các nguyên nhân khác, nên khi X bị phủ định, thì chỉ X bị loại trừ, mà không ảnh hưởng gì đến Y. Vật đó được đoán nhận theo hướng khác X. Nhưng vì nguyên nhân gây nên Y không chỉ có mỗi X, nên dù đã loại trừ X, việc đoán nhận vẫn khó khăn (có thể dẫn đến việc có nhiều lời giải). *Không bào mà nhăn* có thể dùng để đố về cây chuối, hòn đá dưới suối hay bầu trời; *Không uốn mà thẳng*

có thể có nhiều đáp án: cây cau, cây
lồ ô, cây dừa....

Đó là lí do vì sao mô hình này
có một số lời đồ dùng kết hợp và vật
đồ cũng được quy lại trong một phạm
vi nhất định.

Không bào mà nhẵn

(Thân cây chuối)

Không vê mà tròn

(Quả bưởi)

Dạng gần gũi với mô hình trên:
Không Z mà Y. Trong đó, Z: danh
từ, Y là động từ hoặc tính từ, là hệ
quả có được từ Z. Trường hợp này
rất ít gặp trong câu đồ Việt về thực
vật, ngoại trừ câu đồ sau:

Không sông mà lội,

Không chợ mà đông,

Không chồng mà chùa

(Gò cỏ may, trường học, cây cau)

2.3.6. Mô hình: *Có X (mà) không
(chẳng có) Y*.

Trong đó, X: danh từ, chỉ bộ phận
cơ thể người/ vật, Y: động từ, chỉ
hoạt động của X, X thường là điều
kiện để có Y.

- Đặc điểm cấu tạo thường gặp
là một hoặc hai cặp lục bát. Vì Y biểu
thị X, nên không Y cũng có nghĩa
không X, tức chỉ có thứ giống X hay
gọi là X, nhưng thật ra không phải
là X.

Có cây mà chẳng có cành

Có quả để dành mà cúng tiên sư.

(Quả cau)

Hay:

Có vú mà chẳng nuôi con

Mỗi người mỗi vú, vú non vú già

Hồi thương trệt áo chia ba

Hồi ghét để áo chia ra làm mười.

(Quả cau)

Ngoài ra, có biến thể gần gũi: Z,
có X không Y (Z: chủ thể của X, Y).

Cây thấp la đà, có hoa không trái

(Rau muống)

Như vậy, hai mô hình trên tương
đối đa dạng về hình thức. Với hai mệnh
đề nối liền với nhau bằng những liên
từ: *không...mà*, hoặc *có... mà không*,
chúng là hai mô hình cùng nghĩa, thể
hiện hai cách nói khác nhau về cùng
một đối tượng được đề cập. (Thí dụ:
Không cành mà có cây tương tự cách
nói *có cây mà chẳng có cành*). Vì X
là điều kiện để có Y, nên khi có Y mà
X bị phủ định, thì Y tuy có nhưng
không phải là Y thật, mà nó là cái
mô phỏng, cái đem ra so sánh. Vật
đồ giống với vật miêu tả ở một đặc
điểm nào đó (hình thức, chức năng...),
nhưng không phải là bản thân vật miêu
tả. Mô hình này giúp nhận diện vật đồ
theo hướng loại suy. Người giải cần
phải dựa vào Y, tập hợp các hình ảnh
từ Y để tìm ra ẩn số của bài toán đồ.

2.3.7. Mô hình: (X) *không phải
X, mà lại Y*.

Trong đó X: danh từ, Y: có đặc
tính như X). Gần gũi với mô hình
trên là mô hình: *Không là X, mà Y*
(Trong đó, X: danh từ, Y: tính từ, chỉ
đặc tính của X.

Không phải gừng

Mà rất cay

Bằng ngón tay

Mặc áo đỏ

(Quả ớt)

2.3.8. Mô hình: *X lại bảo/ nhưng Y.*

Trong đó, X và Y mang nghĩa đối lập nhau.

Đứng gần lại bảo rằng xa

Có chồng lại bảo rằng ta không chồng.

(Cây sa mộc)

Các mô hình trên thường nêu lên phạm trù nghịch lí: *có mà không, không mà có*, hoặc những kiểu nói đối chọi.

2.3.9. Mô hình: *Thân em + X.*

Trong đó, X: nêu đặc tính của vật đó). Vật đó trong câu đó thuộc mô hình này được trình bày ở ngôi thứ nhất. Người ra câu đó nhân hóa vật đó theo cách bắt chước lối tự thuật, tự truyện của ca dao.

Có thể thấy, những mô hình trên thường dùng làm bộ phận văn bản lời đó. Nó đứng ở vị trí mở đầu như mô-típ chung, còn sự miêu tả sau đó là đa dạng, tùy thuộc vào chính sự phong phú của vật đó.

Ngoài các mô hình có khả năng sản sinh câu đó cao như trên, còn có một số mô hình mà ở đó các hình ảnh, từ ngữ đã chèn gần kín, khả năng phát triển rất khó: *Da cóc mà bọc bột lọc, bột lọc mà bọc hòn X; Trên thượng đình có (cho) X không Y, dưới thượng đình có Y không X; X + (trạng ngữ) + có Y không Z; [hai vật/ người] cùng có một tên, [vật/ người (thì) X, vật/ người (thì) Y]; Xưa kia tôi ở X + Y; Quê em ở (tận) X + Y; Nghĩ mình + X... Vì thế, số lượng câu đó có cấu tạo theo những mô hình trên không nhiều.*

Như vậy, dựa trên những mô hình đã có, người ra đó có thể tiếp tục sáng tạo ra những cách đó mới, bằng cách lấp đầy ô chữ trong trò chơi ngôn ngữ này (thay thế yếu tố miêu tả tương ứng với vật đó). Lấy mô hình cấu trúc chung làm cơ sở để nhân lên nhiều câu đó về các sự vật khác nhau là hiện tượng phổ biến trong câu đó Việt về thực vật; điều này cho thấy sáng tạo là vô tận nhưng sáng tạo phải dựa trên cái đã có.

3. Kết luận

Như vậy, dựa vào bản chất của sự vật, hiện tượng, người đó có thể tìm ra cấu trúc dạng đó khác nhau. Trong kho tàng câu đó Việt về thực vật, ta dễ dàng bắt gặp một loạt câu đó có cùng một dạng cấu trúc giống nhau, gần như đồng dạng hoàn toàn, dựa trên một điểm chung nào đó giữa các vật đó, tạo thành khuôn mẫu. Mô hình cấu trúc đồng dạng này làm cho câu đó vừa ngắn gọn, dân dã, vừa dễ hình dung.

Đối với những câu đó có cấu tạo theo mô hình cấu trúc đồng dạng, người giải ngoài kinh nghiệm, vốn sống, phải thật tinh ý và giàu óc phán đoán mới có thể tìm ra ẩn số của bài toán. Nếu không thực sự tinh táo, người tham gia giải đó sẽ rất dễ rơi vào cái "bẫy" ngôn từ *quen* mà hóa *lạ* do người đó đặt ra. *Quen* vì thoạt nghe phần mở đầu na ná, tương tự khiến người nghe ngỡ tưởng là những câu đó về vật đó mình đã biết nhưng ngay sau "bẫy nhử" đó, người ra đó lại lái ngoắt sang vật đó khác khi kèm ngay sau

đó là những dữ kiện khác. Đây chính là một trong những lí do tạo ra sự bất ngờ, hấp dẫn cho hoạt động đố - giải. Khi tìm ra vật đố, chúng ta không chỉ có thêm nhận thức mới về sự vật mà còn biết thêm cách gọi tên khác về sự vật đó. "Câu đố là một phương tiện nhận thức, vừa thoả mãn được nhu cầu tri thức, vừa thoả mãn được nhu cầu vui chơi, giải trí của người lao động" [12, 41] là vì thế.

Trong câu đố Việt về thực vật, nếu các thủ pháp đánh lạc hướng lập luận làm cho sự vật "phổ biến, ai cũng từng biết, từng hay" [6, 28] quen mà hóa lạ thì mô hình cấu trúc đồng dạng lại làm cho vật đố lạ hóa quen. Phải chăng đây chính là điều khó nắm bắt nhất, đồng thời chính nó lại làm nên sức hấp dẫn, lôi cuốn cho câu đố về thực vật nói riêng, câu đố Việt nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán, *Đại cương ngôn ngữ học*, Tập 1, Nxb GD, H., 2006.

2. Mai Ngọc Chừ (chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đỗ Việt Hùng, Bùi Minh Toán, *Nhập môn ngôn ngữ học*, Nxb GD, H., 2007.

3. Phạm Trần Đức, *Đố vui tri thức*, T/c Từ điển học và Bách khoa thư, Số 5 (19), 2012.

4. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt - mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Nxb GD, H., 2007.

5. Nguyễn Thị Lương, *Câu tiếng Việt*, Nxb ĐHSPHN, 2005.

6. Triều Nguyên, *Câu đố người Việt về tự nhiên*, Nxb Thuận Hoá, 2007.

7. Hoàng Phê, *Lógica ngôn ngữ học (Qua cứ liệu tiếng Việt)*, Nxb KHXH, H., 1989.

8. Nguyễn Thị Thìn, *Câu tiếng Việt và nội dung dạy - học câu ở trường phổ thông*, Nxb ĐHQG, H., 2001.

9. Phạm Văn Tình, *Hiện tượng đồng dạng khác nghĩa và đồng nghĩa khác dạng của câu đố*, Thông báo văn hóa dân gian 2003, Nxb KHXH, H., 2004.

10. Đỗ Bình Trị, *Những đặc điểm thi pháp câu đố*, Trong *Giáo trình Những đặc điểm thi pháp của các thể loại văn học dân gian*, Nxb GD, H., 1999.

11. Nguyễn Văn Trung, *Câu đố Việt Nam*, Nxb Tp. HCM, 1999.

12. Vũ Anh Tuấn (chủ biên), *Giáo trình văn học dân gian*, Tập 2, Nxb GDVN, H., 2009.

13. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, *Tổng tập văn học dân gian Việt Nam (Tập 3 - Câu đố)*, H., 2005.